

**Tiêu chuẩn chung của GFA
đánh giá
Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong Quản
lý Rừng, Áp dụng tại Việt nam,
Phiên bản 1.0**

Ngày: 19.07.2018

Giới thiệu

Quản lý rừng có trách nhiệm (đó là quản lý dựa trên tri thức hiện hành) bao gồm toàn bộ các biện pháp trực tiếp hoặc gián tiếp: bảo vệ, chăm sóc và khai thác rừng nhằm đảm bảo việc bảo tồn rừng lâu dài. Quản lý rừng có trách nhiệm nhằm bảo toàn tính tự nhiên linh hoạt và đa dạng của các hình thức sống, tạo điều kiện cho rừng phát triển và cung cấp các nguồn lợi cho con người về sinh thái, kinh tế, xã hội và văn hoá dài lâu.

Cấp chứng chỉ rừng là việc đánh giá chất lượng thực tế của việc quản lý rừng theo các khía cạnh về trách nhiệm kinh tế, xã hội và môi trường và được xác định dựa trên các tiêu chuẩn đã được xây dựng và công nhận.


Các điều kiện trước đây để đánh giá chất lượng quản lý rừng là các tiêu chuẩn hoặc định mức hiện hành được sử dụng như là cơ sở và công cụ để so sánh, và một quy trình tiêu chuẩn hoá để thực hiện việc đánh giá. Quy trình này phải càng khách quan và minh bạch càng tốt.

Việc quyết định các tiêu chí đánh giá về quản lý tốt các lâm phần rất quan trọng. Các tiêu chí chung cần phải hiệu chỉnh cho phù hợp, ít nhất, là với các lâm phần chính tại các vùng nhiệt đới, ôn đới và hàn đới. Tiêu chí đánh giá cũng cần bổ sung thêm các chỉ số thẩm tra định tính và định lượng, được xác định tại cấp vùng hay cấp địa phương. Các chỉ số này sẽ được nhóm vào từng danh mục kiểm tra riêng của từng quốc gia cụ thể nhằm hỗ trợ việc đánh giá tại văn phòng và thẩm tra tại hiện trường.

Bộ tiêu chuẩn dưới đây được xây dựng để vừa có thể hiệu chỉnh phù hợp theo từng hoàn cảnh địa phương, vừa có thể áp dụng cho nhiều loại hình thái rừng khác nhau. Bộ tiêu chuẩn cho rằng các bên liên quan gồm (i) chủ rừng, (ii) cơ quan thẩm quyền, (iii) sản phẩm từ rừng. Tại nhiều quốc gia, các bên liên quan theo đó là nhà nước (đại diện bởi chính phủ), cơ quan lâm nghiệp quốc gia và doanh nghiệp quản lý rừng, người được cấp phép sử dụng đất hoặc chủ đồn điền. Tuy nhiên, chủ rừng được pháp luật công nhận cũng có thể là chính quyền địa phương hoặc cộng đồng dân cư, trong khi đó nhà kinh doanh rừng có thể là cơ quan lâm nghiệp quốc gia hoặc doanh nghiệp tư nhân chuyên nghiệp hoặc tổ chức phi chính phủ quan tâm đến lĩnh vực công.

Mục đích của tiêu chuẩn này là đưa ra các yêu cầu / chỉ số thẩm tra để cấp chứng chỉ cho lâm sản ngoài gỗ (LSNG). Những yêu cầu / chỉ số này được bổ sung cho tiêu chuẩn FSC về quản lý rừng, dựa trên các Nguyên tắc và Tiêu chí của FSC. Các tổ chức đã được cấp chứng chỉ về Quản lý rừng mong muốn mở rộng quy mô chứng chỉ thêm cả quản lý LSNG, phải đồng ý với các chỉ số bổ sung cho LSNG được mô tả trong tiêu chuẩn này.

Trong bộ tiêu chuẩn này dưới từng tiêu chí là bao gồm các chỉ số cụ thể liên quan. Ngoài ra, các yêu cầu về LSNG cũng được bao gồm trong từng Nguyên tắc FSC. Tiêu chuẩn này được xây dựng bổ sung cho Tiêu chuẩn chung GFA áp dụng Quản lý Rừng tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phiên bản 1.1. Sản phẩm LSNG được khai báo và được bán có chứng chỉ FSC, phải có nguồn gốc từ một lâm phần đã có chứng chỉ FSC, và tuân thủ theo các chỉ số bổ sung này.

PSP_STD_LSNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 2 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA	Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam Phiên bản 1.0	
---	--	--

Quy mô chứng chỉ

Bộ tiêu chuẩn này được áp dụng để đánh giá hệ thống quản lý của các tổ chức quản lý rừng (FMO), có yêu cầu cấp chứng chỉ LSNG ở Việt Nam như tre, mây, cao su, các loại hạt, trái cây, nhựa cây, hạt giống, nấm, mật ong và các loại khác. Tiêu chuẩn này sẽ được sử dụng cùng với phiên bản mới nhất của tiêu chuẩn FSC áp dụng cho Việt Nam.

Hiệu lực

Tiêu chuẩn này có hiệu lực từ ngày 10.10.2018 cho đến khi được thay thế bằng tiêu chuẩn quốc gia NFSS đã được phê duyệt bao gồm cả tiêu chuẩn LSNG hoặc bằng một phiên bản mới của tiêu chuẩn này, dựa trên tiêu chuẩn quốc gia NFSS.

Tài liệu tham khảo

- FSC-STD-01-001 Nguyên tắc và tiêu chí FSC về quản lý rừng
- FSC-DIR-20-007 (FSC-ADV-20-007-05 Lâm sản ngoài gỗ)
- FSC-STD-20-002_Structure_and_content_of_Forest_Stewardship_Standards_V3-0
- Tiêu chuẩn chung của GFA áp dụng tại CHXHCN Việt Nam

Các từ viết tắt

CITES: Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.

FSC: Hội đồng quản trị rừng

FMO: Nhà quản lý rừng

NFSS: Tiêu chuẩn quản lý rừng quốc gia

LSNG: Lâm sản ngoài gỗ: tất cả các sản phẩm từ rừng trừ gỗ, bao gồm các sản phẩm khai thác từ rừng và cây rừng (nhựa cây, mật ong, lá cây và các bộ phận khác của động thực vật).

GFA: Công ty Chứng chỉ GFA.

NGUYÊN TẮC #1: TUÂN THEO PHÁP LUẬT VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CỦA TỔ CHỨC FSC
Hoạt động quản lý rừng phải tôn trọng pháp luật hiện hành áp dụng tại từng nước sở tại, và các hiệp ước, thoả thuận quốc tế mà nước sở tại ký kết tham gia, và tuân thủ mọi Nguyên tắc và Tiêu chí của tổ chức FSC.

1.1 Hoạt động quản lý rừng phải tôn trọng pháp luật hiện hành của quốc gia và tại địa phương và các quy định quản lý hành chính.

Chỉ số:

1.1.1. LSNG. Nhà quản lý rừng phải tuân thủ theo pháp luật, quy định hiện hành và các quy định về môi trường, lao động, lâm nghiệp và vùng bảo tồn... của quốc gia và địa phương, trong quá trình khai thác, chế biến và thương mại lâm sản ngoài gỗ.

1.2 Nộp đầy đủ các khoản lệ phí, thuế, các khoản phải nộp khác theo quy định của luật pháp.

Chỉ số:

1.2.1. LSNG. Nhà quản lý rừng phải nộp đầy đủ các khoản thuế phí đúng thời hạn, bao gồm các cấp phép ủy quyền, giấy phép, thuế nhà nước và thuế địa phương, lệ phí, thuế sử dụng rừng, tiền phạt và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác liên quan đến quản lý LSNG.

NGUYÊN TẮC 2: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG SỬ DỤNG ĐẤT

Quyền sử dụng, hưởng dụng đất, tài nguyên rừng dài hạn phải được xác định rõ, tài liệu hoá và được pháp luật công nhận.

2.1 Các bằng chứng rõ ràng về các quyền sử dụng đất rừng dài hạn (như tên diện tích, các quyền truyền thống, hay các thoả thuận thuê đất) phải được thể hiện.

Chỉ số:

2.1.1. LSNG. Trường hợp được cấp quyền thu hái LSNG, nhà quản lý rừng sẽ thỏa thuận với nhà tài trợ đại diện cho rừng (chủ rừng, người được cấp quyền sử dụng, hưởng dụng đất). Nhà tài trợ phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2.2 Các cộng đồng địa phương có quyền sử dụng đất hợp pháp hay quyền sở hữu truyền thống, phải có quyền kiểm soát ở mức độ cần thiết, để bảo vệ các quyền hoặc các nguồn tài nguyên của họ trong các hoạt động lâm nghiệp, trừ khi họ giao quyền kiểm soát với hoàn toàn đồng thuận cho các cơ quan khác.

Chỉ số:

2.2.1. LSNG. Khi lập kế hoạch hoặc thực hiện thu hái và thương mại LSNG, phải nhận được quyết định và đồng thuận của người dân, nhóm hộ hay cộng đồng có quyền sử dụng đất và tài nguyên hợp pháp hay quyền sở hữu truyền thống tại diện tích rừng này.

NGUYÊN TẮC 3: CÁC QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA

Các quyền hợp pháp và truyền thống của người bản địa về sở hữu sử dụng và quản lý đất, tài nguyên được công nhận và tôn trọng.

Tại Tây ban nha, không có người bản địa theo công nhận của FSC (tham khảo danh mục). Tuy nhiên, GFA xem xét tính thuận tiện để giữ lại NGUYÊN TẮC này, mặc dù không cần áp dụng.

NGUYÊN TẮC 4: CÁC QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC QUYỀN CỦA CÔNG NHÂN LÂM NGHIỆP

Các hoạt động quản lý rừng sẽ duy trì hoặc cải thiện vị thế kinh tế và xã hội của công nhân lâm nghiệp và cộng đồng trong dài hạn.

4.1 Các cộng đồng sống trong hoặc liền kề khu vực quản lý rừng phải có được các cơ hội việc làm, đào tạo, và các dịch vụ khác.

Chỉ số:

4.1.1. LSNG. Người dân địa phương phải được ưu đãi trong tuyển dụng và đào tạo trong các hoạt động liên quan đến thu hái LSNG, bao gồm các lợi ích và các cơ hội khác.

4.2 Hoạt động quản lý rừng phải đáp ứng được hoặc cao hơn các luật lệ và/hoặc qui định được áp dụng về sức khỏe và an toàn cho người lao động và gia đình của họ.

Chỉ số:

4.2.1. LSNG. Trường hợp phải thuê lao động thực hiện các nhiệm vụ thay cho nhà sản xuất LSNG, lương và lợi ích xã hội của nhân công thực hiện quản lý, khai thác và chế biến LSNG phải phù hợp với tiêu chuẩn và quy định của quốc gia và địa phương.

4.2.2. LSNG. Các cơ sở khai thác và chế biến LSNG phải đảm bảo an toàn và sức khỏe của người lao động và người tiêu dùng cuối cùng và phù hợp với các tiêu chuẩn và quy định của quốc gia và địa phương.

4.2.3. LSNG. Mọi người lao động phải được cung cấp kiến thức và được đào tạo về các khía cạnh công việc cụ thể liên quan đến LSNG.

4.4 Kế hoạch quản lý rừng và các hoạt động phải kết hợp các kết quả của đánh giá tác động xã hội. Tham vấn với từng cá nhân và các nhóm trực tiếp (cả nam và nữ) chịu ảnh hưởng từ các hoạt động quản lý rừng sẽ được duy trì.

Chỉ số:

4.4.1. LSNG. Nhà quản lý rừng sẽ duy trì một danh sách cập nhật các cộng đồng và cư dân địa phương có thể bị ảnh hưởng trong hoặc sau khi thu hái LSNG. Ngoài ra, nhà quản lý rừng cũng phải lưu trữ tài liệu chứng minh đã giải quyết bất kỳ khiếu nại nếu có nào, một cách thích hợp.

Khả năng áp dụng cho nhóm SLIMF: Số chỉ này không áp dụng cho nhóm SLIMF.

4.4.2. LSNG. Phải giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội và văn hóa tới các cộng đồng địa phương, nảy sinh trong quá trình thu hái hay thương mại LSNG

4.4.3. LSNG. Phải thực hiện đánh giá tác động xã hội để xem xét quan điểm của người thu hái LSNG và người sử dụng tại địa phương.

4.5 Các cơ chế thích hợp phải được áp dụng để giải quyết khiếu nại và thực hiện đền bù công bằng trong trường hợp mất mát hoặc gây thiệt hại đến những quyền lợi hợp pháp hoặc theo phong tục, đến tài sản, tài nguyên, hoặc sinh kế của người dân sở tại. Phải thực hiện các biện pháp nhằm ngăn ngừa những tác hại, thiệt hại xảy ra.

Chỉ số:

4.5.1. LSNG. Các hoạt động khai thác và chế biến LSNG phải bảo vệ các công trình của nhà nước và/hoặc truyền thống đặc biệt quan trọng, như đường giao thông, rừng phòng hộ, bảo tồn và/hoặc các nguồn nước, rừng lịch sử hoặc văn hóa quan trọng hoặc công trình khác, có thể ảnh hưởng đến tài sản, tài nguyên hoặc đời sống của người dân sở tại.

NGUYÊN TẮC 5: LỢI ÍCH TỪ RỪNG

Thực hành quản lý rừng sẽ khuyến khích sử dụng hiệu quả các loại lâm sản, các dịch vụ rừng nhằm đảm bảo lợi ích về kinh tế và các lợi ích to lớn về môi trường và xã hội.

5.1 Quản lý rừng phải đạt được sự bền vững về kinh tế, trong khi vẫn quan tâm đầy đủ các vấn đề môi trường, xã hội, và các chi phí sản xuất, và đảm bảo đầu tư cần thiết để duy trì lợi ích sinh thái của rừng.

Chỉ số:

5.1.1. LSNG. Nhà quản lý rừng phải cập nhật hồ sơ chi phí sản xuất, điều hành và các chi phí liên quan khác để quản lý LSNG. Dữ liệu này sẽ được sử dụng để cập nhật và cải tiến kế hoạch quản lý LSNG.

Khả năng áp dụng cho nhóm SLIMF: Số chỉ này không áp dụng cho nhóm SLIMF.

5.2 Hoạt động quản lý rừng và hoạt động tiếp thị phải khuyến khích sử dụng và chế biến tối ưu tại chỗ những sản phẩm đa dạng của rừng.

Chỉ số:

5.2.1. LSNG. Nhà quản lý rừng phải khuyến khích cộng đồng tham gia vào quá trình thu hái, sơ chế ban đầu và chế biến LSNG.

5.2.2. LSNG. Nhà quản lý rừng, lái xe vận chuyển và/hoặc cơ sở chế biến phải tối ưu hóa thiết bị và phương pháp sản xuất để giảm thiểu dư lượng khi thu hái và chế biến.

5.6 Mức độ khai thác sản phẩm rừng không được vượt quá ngưỡng để có thể duy trì rừng bền vững dài lâu

Chỉ số:


5.6.1. LSNG. Cường độ, tần suất và thời vụ thu hái LSNG phải có cơ sở là sự kết hợp giữa nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm và/hoặc kiến thức địa phương truyền lại.

5.6.2. LSNG. Tỷ lệ thu hái, kỹ thuật nuôi trồng và phương pháp thu hái LSNG phải phù hợp với diện tích rừng sử dụng (khai thác nhựa, các phần của cây rừng, cấu trúc thực vật) và các hoạt động quản lý phải duy trì mật độ quần thể các LSNG được quan tâm.

5.6.3. LSNG. Phải tuân thủ theo các quy định thích hợp về khai thác LSNG tại hiện trường.

NGUYÊN TẮC 6: TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Hoạt động quản lý rừng phải bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị của nó về nguồn nước, tài nguyên đất, và hệ sinh thái độc đáo, để tồn thương, sinh cảnh, và giúp duy trì các chức năng sinh thái và tính toàn vẹn của rừng.

PSP_STD_LSNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 6 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA	Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam Phiên bản 1.0	
---	--	--

6.1 Đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện – phù hợp theo phạm vi, cường độ quản lý rừng và tính độc đáo của các tài nguyên chịu ảnh hưởng – và được tích hợp hoàn toàn vào trong các hệ thống quản lý rừng. Các đánh giá sẽ bao gồm việc xem xét tại cấp cảnh quan cũng như các tác động môi trường của thiết bị chế biến lâm sản tại hiện trường. Các tác động môi trường sẽ được đánh giá trước khi bắt đầu các can thiệp tại hiện trường.

Chỉ số:

6.1.1. LSNG. Nhà quản lý rừng phải có bằng chứng đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực do việc thu hái LSNG tại hiện trường.

6.1.2. LSNG. Phải kiểm soát được các tác động môi trường do hoạt động chế biến LSNG thu hái từ rừng nằm trong quy mô chứng chỉ.

6.2 Bảo vệ các sinh vật hiếm, có nguy cơ đe dọa tuyệt chủng, và sinh cảnh của chúng (như nơi cư trú và kiếm ăn). Thiết lập các khu bảo tồn và các khu vực bảo vệ, tương thích với quy mô và mức độ quản lý rừng và tính đặc hữu của các tài nguyên bị ảnh hưởng. Kiểm soát các hoạt động săn bắn, bắt cá, đánh bắt, thu gom phi pháp

Chỉ số:

6.2.1. LSNG. Không được thu hái LSNG từ các sinh vật hiếm, có nguy cơ đe dọa tuyệt chủng nằm trong danh sách cấm quốc gia và/hoặc quốc tế (ví dụ: công ước CITES phụ lục I, danh mục IUCN “nguy cơ cấp thiết”, các danh sách quốc gia...)

6.3 Các chức năng và giá trị sinh thái sẽ được duy trì nguyên vẹn, tăng cường, hoặc phục hồi, bao gồm:

- a) Phục hồi tái sinh và diễn thế sinh thái rừng.
- b) Tính đa dạng của các nguồn gen, các sinh vật và hệ sinh thái
- c) Chu kỳ tự nhiên tác động đến năng suất của hệ sinh thái rừng

Chỉ số:

6.3.1. LSNG. Phải giảm thiểu tác động đến cấu trúc và tổ thành rừng, đến kết cấu và độ phì nhiêu của đất khi thu hái và quản lý LSNG.

6.3.2. LSNG. Phải quan tâm đến chức năng sinh thái đối với các sinh vật có liên quan khác (ví dụ nguồn thức ăn của chim và động vật có vú, việc gieo hạt tự nhiên qua động vật...) khi thu hái và quản lý LSNG

6.3.3. LSNG. Phải thực hiện các biện pháp nhằm duy trì tổ thành và cấu trúc tự nhiên hiện tại của quần thể LSNG (ví dụ quản lý tái sinh tự nhiên, làm giàu rừng, lựa chọn và bảo vệ cây mẹ)

6.6 Các hệ thống quản lý phải thúc đẩy việc xây dựng và thông qua các hệ thống quản lý sâu bệnh không dùng hóa chất thân thiện với môi trường và cố gắng tránh sử dụng thuốc trừ sâu. Không sử dụng những hoá phẩm 1A và 1B, các thuốc sâu chứa hydrat carbon chlorin trong danh mục của Tổ chức y tế thế giới (WHO), các loại thuốc sâu khó phân huỷ, các chất độc để lại các hoạt chất sinh học trong các chuỗi thức ăn, cũng như tất cả các thuốc phòng trừ sâu bệnh hại khác do các hiệp định quốc tế cấm. Nếu các thuốc sâu khác được sử dụng thì phải có trang thiết bị phù hợp và công nhân phải được đào tạo để giảm thiểu tối đa tác hại đến sức khỏe và môi trường

Chỉ số:

6.6.1. LSNG. Phải nỗ lực không ngừng để tránh sử dụng hóa chất trong việc quản lý sâu bệnh dịch liên quan đến sản xuất và thu hái LSNG. Hóa chất chỉ được sử dụng khi sâu bệnh đã phát triển (không bao giờ được dùng để phòng dịch bệnh), khi không còn lựa chọn khả thi nào khác, và khi sâu bệnh sẽ dẫn đến thiệt hại lớn hơn chi phí về kinh tế và môi trường, khi sử dụng hóa chất.

6.6.2. LSNG. Mọi chỉ số của tiêu chí 6.6 tiêu chuẩn Quản lý rừng FSC được áp dụng tại khu vực này.

NGUYÊN TẮC 7: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG

Kế hoạch quản lý rừng -- phải tương thích với quy mô và cường độ quản lý -- phải được xây dựng và thực thi, thường xuyên cập nhật. Trong đó nêu rõ các mục tiêu dài hạn và các tác động nhằm đạt được mục tiêu.


7.1 Phải có và cung cấp kế hoạch quản lý và các văn bản hỗ trợ gồm :

- a) Những mục tiêu của kế hoạch quản lý
- b) Mô tả những tài nguyên được quản lý, những hạn chế về môi trường, hiện trạng sở hữu và sử dụng đất, điều kiện kinh tế xã hội, và hồ sơ về diện tích đất xung quanh.
- c) Mô tả biện pháp lâm sinh và/hoặc những hệ thống quản lý khác trên cơ sở sinh thái của khu rừng và thông tin số liệu của các điều tra tài nguyên.
- d) Cơ sở lý thuyết của định mức khai thác rừng hàng năm và loài cây được chọn.
- e) Các điều khoản về giám sát sinh trưởng và động thái của rừng.
- f) Bảo vệ môi trường trên cơ sở những đánh giá về môi trường.
- g) Những kế hoạch tìm kiếm và bảo vệ các loài quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng.
- h) Những bản đồ mô tả tài nguyên rừng kể cả rừng phòng hộ, những hoạt động quản lý rừng và sở hữu đất.
- i) Mô tả và giải thích các kỹ thuật khai thác và những thiết bị sử dụng

Chỉ số:

7.1.1. LSNG. Nhà quản lý rừng phải xây dựng một kế hoạch quản lý LSNG cụ thể, bao gồm tối thiểu các hạng mục sau đây:

- Những mục tiêu quản lý;
- Quyền sử dụng LSNG và điều kiện kinh tế xã hội của người thu hái LSNG;
- Diện tích được thu hái (phải xác định trên bản đồ, nếu có thể);
- Mô tả các biện pháp để đạt được mục tiêu quản lý, biện pháp thu hái và chế biến LSNG và hệ thống đảm bảo duy trì quản lý trong dài hạn;
- Mô tả và biện minh về sản lượng khai thác LSNG, kỹ thuật thu hái và thiết bị sử dụng;
- Các nguồn thông tin hỗ trợ việc quản lý LSNG (ví dụ dữ liệu về diện tích rừng cụ thể, kiến thức bản địa hay các nghiên cứu lâm nghiệp trong vùng và các yêu cầu của chính quyền);

PSP_STD_LSNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 8 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA	Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam Phiên bản 1.0	
---	--	--

- Các tác động về môi trường và xã hội khi thực hiện kế hoạch quản lý;
- Thời hạn của kế hoạch.

7.1.2. LSNG. Kế hoạch quản lý LSNG và các tài liệu quy hoạch khác phải được phát, phổ biến cho người lao động và sử dụng trên hiện trường.

7.3 Công nhân lâm nghiệp phải được đào tạo và giám sát sao cho phù hợp nhằm đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch quản lý.

Chỉ số:

7.3.1. LSNG. Phải có bằng chứng tại hiện trường chứng minh người sản xuất và công nhân đã thực hiện đúng theo các hướng dẫn kỹ thuật nêu trong kế hoạch quản lý LSNG.

7.4 Trong khi phải tôn trọng tính bảo mật của thông tin, Nhà quản lý rừng sẽ công khai bản tóm tắt kế hoạch quản lý, bao gồm các hạng mục liệt kê trong Tiêu chí 7.1.

Chỉ số:

7.4.1. LSNG. Phải bao gồm các thông tin về LSNG trong bản công khai tóm tắt kế hoạch quản lý rừng.

NGUYÊN TẮC 8: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Cần tiến hành hoạt động giám sát -- sao cho phù hợp với quy mô và mật độ quản lý rừng -- để nắm bắt được điều kiện của rừng, sản lượng sản phẩm rừng, chuỗi hành trình sản phẩm, các hoạt động quản lý và các tác động về mặt môi trường và xã hội của các hoạt động này.

8.2 Hoạt động quản lý rừng bao gồm cả các hoạt động nghiên cứu và thu thập số liệu cần thiết cho công tác giám sát, tối thiểu bao gồm các chỉ số sau đây:

- Sản lượng của tất cả những sản phẩm đã khai thác.
- Tỷ lệ tăng trưởng, tái sinh và tình trạng của rừng.
- Tổ thành và những thay đổi quan sát được trong giới thực vật và động vật .
- Tác động về môi trường và xã hội do hoạt động khai thác và các hoạt động khác gây ra.
- Chi phí, năng suất và hiệu quả của hoạt động quản lý rừng.

Chỉ số:


8.2.1. LSNG. Nhà quản lý rừng phải giám sát và lưu trữ thông tin về các khía cạnh sau đây:

- Sản lượng của tất cả LSNG được thu hái;
- Các biến đổi môi trường quan trọng do thu hái LSNG ảnh hưởng đến hệ động thực vật hay nguồn nước và chất lượng đất đai.
- Các tác động về kinh tế xã hội của việc thu hái và chế biến LSNG (các thay đổi về điều kiện sống của cộng đồng và người lao động, thay đổi về nhu cầu và mục đích sử dụng LSNG...)

8.3 Tài liệu phải được nhà quản lý rừng chuẩn bị tốt để cung cấp cho các cơ quan đánh giá và cấp chứng chỉ có thể theo dõi được nguồn gốc của mỗi sản phẩm, đó là một quá trình gọi là “chuỗi hành trình sản phẩm”.

Chỉ số:

8.3.1. LSNG. Nhà quản lý rừng phải kiểm soát được số liệu và nguồn dữ liệu về sản lượng LSNG đã khai thác trong rừng, đang vận chuyển, đang lưu kho và đang phân phối.

PSP_STD_LSNNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 9 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA	Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam Phiên bản 1.0	
--	--	--

8.3.2. LSNG. Vận đơn vận chuyển, hóa đơn bán hàng và các tài liệu liên quan đến thương mại LSNG phải mô tả rõ về: nhóm sản phẩm, tình trạng môi trường và mã số chứng chỉ theo đúng format (vd. GFA-FM/COC-XXXXXX).

NGUYÊN TẮC 9: DUY TRÌ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

Các hoạt động quản lý tại các khu rừng có giá trị bảo tồn cao cần phải duy trì hoặc phát huy các thuộc tính tạo nên loại rừng này. Các quyết định liên quan tới các khu rừng có giá trị bảo tồn cao luôn cần được xem xét trong bối cảnh chú trọng giải pháp phòng ngừa.

9.1 Đánh giá xác định sự tồn tại của các thuộc tính của rừng có giá trị bảo tồn cao, phù hợp với quy mô và cường độ quản lý rừng.

Chỉ số:

9.1.1. LSNG. Khi đánh giá xác định sự tồn tại của rừng có giá trị bảo tồn cao, phải bao gồm đánh giá cả LSNG đặc biệt như là nhân tố về đóng góp xã hội và tầm quan trọng của rừng đối với cộng đồng sở tại.

NGUYÊN TẮC 10: RỪNG TRỒNG

Rừng trồng cần phải được quy hoạch và quản lý theo các nguyên tắc và chỉ số từ 1 – 9, cũng như theo Nguyên tắc 10, và các tiêu chí kèm theo. Rừng trồng không những có thể đem lại rất nhiều lợi ích, góp phần đáp ứng nhu cầu về các sản phẩm lâm nghiệp của thế giới mà còn làm cho hoạt động quản lý thêm phần đa dạng, giảm áp lực lên rừng tự nhiên, phát huy, khôi phục và bảo tồn rừng tự nhiên.

10.1. Các mục tiêu quản lý của rừng trồng, bao gồm các mục tiêu bảo tồn và phục hồi rừng tự nhiên, phải được nêu rõ trong kế hoạch quản lý, và thể hiện rõ ràng trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Chỉ số:


10.1.1 LSNG. Kế hoạch quản lý LSNG phải nêu các mục tiêu về sản xuất LSNG.

10.2. Thiết kế và bố trí rừng trồng phải có tác dụng thúc đẩy, bảo vệ, phục hồi và bảo tồn rừng tự nhiên, và không làm gia tăng áp lực vào rừng tự nhiên. Trong thiết kế rừng trồng có dành ra các hành lang cho động vật hoang dã, các vùng lân cận sông suối và các lâm phần rừng với nhiều cấp tuổi và chu kỳ khai thác khác nhau, phù hợp với quy mô của hoạt động trồng rừng. Quy mô và cách bố trí các khoảnh rừng trồng phải phù hợp với cấu trúc của lô rừng có trong vùng sinh cảnh tự nhiên

Chỉ số:

10.2.1 LSNG. Việc quản lý thâm canh, nuôi trồng làm giàu hay thu hái LSNG dưới tán rừng tự nhiên không được gây ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh học dưới tán trong cảnh quan rừng.

10.6. Áp dụng các biện pháp để duy trì hoặc cải thiện cơ cấu, độ phì đất, và hoạt động sinh học. Kỹ thuật và tỷ lệ khai thác, xây dựng và bảo dưỡng đường và lựa chọn các loại cây trồng về lâu dài không làm thoái hóa đất hoặc có các tác động tiêu cực đến chất lượng, số lượng nước hoặc sự thay đổi dòng lớn do hình thức thoát nước khác nhau từ sông suối.

PSP_STD_LSNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 10 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA	Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam Phiên bản 1.0	
--	--	--

Chỉ số:


10.6.1 LSNG. Việc quản lý thâm canh hay thu hái LSNG dưới tán rừng tự nhiên không được gây ra trượt lở đất, giảm chất lượng nguồn nước, hay không được ảnh hưởng tiêu cực đến cấu trúc và độ phì của đất đai.

10.8. Tùy theo phạm vi và tính đa dạng của hoạt động quản lý và giám sát rừng trồng, phải tiến hành đánh giá rừng trồng thường xuyên về các tác động sinh thái và xã hội bên trong và ngoài khu vực rừng trồng (như tái sinh rừng tự nhiên, các ảnh hưởng đến nguồn nước và độ phì đất, và các tác động về phúc lợi của địa phương và an sinh xã hội), ngoài các yếu tố đã thể hiện trong các Nguyên tắc 8, 6 và 4. Không trồng bất cứ loài cây nào trên qui mô lớn cho tới khi có các thử nghiệm tại địa phương và/hoặc kinh nghiệm cho thấy rằng các loại cây này thích nghi tốt với lập địa rừng trồng, không xâm lấn, và không có các tác động tiêu cực đến các hệ thống sinh thái khác. Đặc biệt chú ý đến các vấn đề xã hội trong việc lấy đất trồng rừng, đặc biệt bảo vệ quyền sở hữu, sử dụng hoặc tiếp cận của địa phương.

Chỉ số:

10.8.1 LSNG. Trồng và thu hái LSNG không được ảnh hưởng tiêu cực đến các nguồn tài nguyên hay quyền của cộng đồng và người dân sở tại.

10.8.2 LSNG. Trồng rừng LSNG không được làm giảm thêm các giá trị môi trường, các chức năng kinh tế, xã hội của các LSNG tương tự đang tồn tại trong rừng tự nhiên.

PSP_STD_LSNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 11 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA	Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam Phiên bản 1.0	
--	--	--

PHỤ LỤC: CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÁC LUẬT DO NHÀ NƯỚC VIỆT NAM BAN HÀNH

Quyền sử dụng, tiếp cận và hưởng dụng đất

1. Luật Đất đai 2003.
2. Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004
3. Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003.
4. Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25 tháng 05 năm 2007 của Chính phủ về bổ sung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai..
5. Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2006 của Chính phủ về việc thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004.
6. Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg của Chính phủ ngày 14 tháng 08 năm 2006 về Quy chế quản lý rừng.
7. Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 07 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác
8. Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25 tháng 04 năm 2007 do Bộ NN&PTNN ban hành hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng và thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

Khai thác gỗ

1. Quyết định số 200/QĐ-KT ngày 31 tháng 03 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ NN&PTNT) về công nghệ lâm sinh cho khai thác gỗ và tre nứa rừng sản xuất (aka QPN 14-92)
2. Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 07 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác.
3. Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg của Chính phủ ngày 14 tháng 08 năm 2006 về Quy chế quản lý rừng.

Vận chuyển lâm sản gỗ


1. Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 07 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác.
2. Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01 tháng 06 năm 2006 của Bộ NN&PTNT về quản lý và đóng búa bài cây và búa kiểm lâm.
3. Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ NN&PTNT ban hành quy chế thanh tra và kiểm soát các sản phẩm lâm sản.
4. Thông tư số 01/2002/TT-BCA (C11) ngày 04 tháng 01 năm 2002 của Bộ Công An hướng dẫn tổ chức cấp đăng ký, biển số, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
5. Nghị định số 110/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải đường bộ.
6. Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 03 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa..

Chế biến Gỗ

1. Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành các quy định của Luật Thương mại về mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài.
2. Quyết định 59/2005/QĐ-BNN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ NN&PTNT ban hành quy chế thanh tra và kiểm soát các sản phẩm lâm sản.

Xuất/Nhập khẩu sản phẩm gỗ

1. Nghị Định của Chính phủ số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

PSP_STD_LSNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 12 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA	Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam Phiên bản 1.0	
--	--	--


2. Quyết Định số 65/1998/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về xuất khẩu sản phẩm gỗ và nhập khẩu nguyên liệu gỗ, lâm sản.
3. Quyết Định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản.
4. Nghị Định của Chính phủ số 160/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2003 về quản lý các hoạt động hàng hải tại cảng biển và khu vực hàng hải của Việt Nam.
5. Quyết Định của Bộ Tài chính số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25 tháng 07 năm 2003 Ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
6. Quyết định số 54/2006/QĐ-BNN ngày 05 tháng 07 năm 2006 của Bộ NN&PTNT về công bố Danh mục các loài động thực vật hoang dã thuộc đã quy định trong phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.
7. Nghị định số 49/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 05 năm 2006 về đăng ký, mua, bán tàu biển.
8. Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 08 năm 2006 về quản lý nhập khẩu, xuất khẩu, tái xuất, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và cấy trồng nhân tạo các loài động thực vật hoang dã quý hiếm, nguy cấp.
9. Nghị định số 02/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 01 năm 2007 về kiểm dịch thực vật.

Các Quy định về Môi trường và Bảo tồn

1. Luật bảo vệ môi trường 2006.
2. Nghị định của Chính phủ số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2006.
3. Nghị Định của Chính phủ số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 sửa đổi, ban hành một số điều của Nghị Định của Chính phủ số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2006.
4. Nghị định của Chính phủ số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2006 về việc quản lý các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
5. Nghị định của Chính phủ số 09/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006 về việc phòng chống cháy rừng.
6. Nghị định của Chính phủ số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 08 năm 2006 về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm.
7. Quyết định số 54/2006/QĐ-BNN ngày 05 tháng 07 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.
8. Quyết định số 74/2008/QĐ-BNN ngày 20 tháng 06 năm 2008 của Bộ NN&PTNT công bố danh mục động, thực vật hoang dã đã quy định trong phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp.
9. Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 07 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác.
10. Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 09 năm 2006 về Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Các Quy định về Xã hội


1. Bộ Luật Lao động 1994 (và Luật sửa đổi Bộ Luật Lao động 2002).
2. Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 06 năm 2006.
3. Nghị định của Chính phủ số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về việc sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh.
4. Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 8 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh.

PSP_STD_LSNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 13 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA	Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam Phiên bản 1.0	
--	--	--

5. Nghị định của Chính phủ số 93/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2006 của về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu của người lao động Việt Nam làm công việc đơn giản trong điều kiện làm việc bình thường cho các công ty nước ngoài.
6. Nghị định của Chính phủ số 94/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 09 năm 2006 về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu.
7. Nghị định 196-CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn việc thực hiện một số điều của Bộ Luật Lao động về thỏa ước lao động tập thể và Nghị định số 93/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 sửa đổi, bổ sung Nghị định 196/CP.
8. Nghị định số 06/CP của Chính phủ ngày 20 tháng 01 năm 1995 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động và vệ sinh lao động và Điều 1, Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 sửa đổi, bổ sung một số điều trong Nghị định số 06/CP.
9. Nghị định số 152/2006/NĐ-CP hướng dẫn một số điều trong Luật bảo hiểm xã hội.
10. Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 9 tháng 05 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động.
11. Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Bộ luật lao động về thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi.
12. Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 195/CP.
13. Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 07 năm 1995 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.
14. Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 04 năm 2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 41/CP.


Các loại Thuế, phí và phí bản quyền

1. Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp, 1993
2. Pháp lệnh số 05/1998/PL-UBTVQH10 ngày 16 tháng 04 năm 1998 về Thuế tài nguyên thiên nhiên (đã sửa đổi)
3. Nghị Định của Chính phủ số 129/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17 tháng 06 năm 2003 của Quốc hội về miễn và giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.
4. Nghị Định của Chính phủ số 156/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 về sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thuế giá trị gia tăng.
5. Nghị Định của Chính phủ số 158/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều trong Luật thuế giá trị gia tăng.
6. Nghị Định của Chính phủ số 149/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2005 quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất nhập khẩu.
7. Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị Định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2003.
8. Thông tư của Bộ Tài chính số 89/TC-BCT ngày 09 tháng 11 năm 1993 hướng dẫn thi hành Nghị định số 74/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993.
9. Thông tư của Chính phủ số 68/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 1998 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên thiên nhiên.
10. Nghị Định của Chính phủ số 147/2006/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên.
11. Thông tư của Bộ Tài chính số 42/2007/TT-BTC ngày 27 tháng 04 năm 2007 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày ngày 03 tháng 09 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên thiên.
12. Nghị Định số 147/2006/NĐ-CP sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định 68/1998/NĐ-CP.
13. Nghị Định của Chính phủ số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp

PSP_STD_LSNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 14 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA	Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam Phiên bản 1.0	
--	--	--

Công ước
Công ước số 5 về tuổi tối thiểu của trẻ em được tham gia lao động công nghiệp, 1919
Công ước số 6 về làm việc ban đêm của trẻ em trong công nghiệp, 1919
Công ước số 14 về quy định nghỉ hàng tuần cho lao động công nghiệp, 1921
Công ước số 27 về ghi trọng lượng trên các kiện hàng lớn chở bằng tàu biển, 1929
Công ước số 29 về Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, 1930
Công ước số 45 về sử dụng lao động nữ trong hầm mỏ, 1935
Công ước số 80 về xem xét lại các điều khoản cuối cùng, 1946
Công ước số 81 về thanh tra lao động trong công nghiệp và thương mại, 1947
Công ước số 100 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và nữ, 1951
Công ước số 111 về không phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp, 1958
Công ước số 116 về xem xét lại các điều khoản cuối cùng, 1961
Công ước số 120 về vệ sinh trong thương mại và văn phòng, 1964
Công ước 123 về tuổi tối thiểu được làm những công việc trong hầm mỏ, 1965
Công ước số 124 về kiểm tra sức khỏe cho thiếu niên làm việc trong hầm mỏ, 1965
Công ước số 138 về độ tuổi tối thiểu được phép làm việc, 1973
Công ước số 144 về Tham khảo ba bên (Tiêu chuẩn lao động quốc tế), 1976
Công ước số 155 về an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường làm việc, 1981
Công ước số 182 về nghiên cứu và hành động ngay lập tức để xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999
Công ước về buôn bán quốc tế những loài động vật thực vật đang gặp nguy cấp
Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt như nơi cư trú của các loài chim nước
Thỏa thuận quốc tế về Gỗ nhiệt đới
Liên minh quốc tế về bảo vệ các giống cây trồng mới
Công ước chống sa mạc hóa của Liên Hợp Quốc
Công ước khung về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc, 1992
Công ước về Đa dạng Sinh học
Công ước Viên về bảo vệ tầng Ôzôn, 1985

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC LOÀI QUÝ HIẾM VÀ NGUY CẤP

<p>PSP_STD_LSNG_Vietnam_V.1.0 _s Page: 15 / 16 Updated: 19.07.2018; GK Approved: 19.07.2018; JA</p>	<p>Tiêu chuẩn chung của GFA đánh giá Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong quản lý rừng tại Việt nam</p> <p>Phiên bản 1.0</p>	
---	---	--

<http://www.iucnredlist.org/>

<http://www.vncreatures.net>